

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
TRUNG TÂM ĐÀM BẢO CHẤT LƯỢNG

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 2016 - 2017

(Từ 28/12/2016 đến 14/01/2017)

Cơ sở Phú Thọ

(Khoa: KHXH&NV, Ngoại ngữ, Kỹ thuật - Công nghệ, Giáo dục Tiểu học – Mầm non, Khoa học tự nhiên, Nghệ thuật, Thể dục thể thao, Lý luận chính trị, Tâm lý giáo dục).

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
1.	TG1212	Giao tiếp sư phạm (")	1	1412D05A	28	13g00	28-12-16	A6108	Tâm lý giáo dục
				1412D05A	28	13g00	28-12-16	A6204	
				1412D05A	27	13g00	28-12-16	A6203	
				1412D03A	25	13g00	28-12-16	A6102	
2.	TH2211	Chuyên đề Tiếng Việt (')	2	1412D03A	25	13g00	28-12-16	A6103	GDTH & Mầm non
				1412D03A	25	13g00	28-12-16	A6104	
				1311D03A	23	13g00	28-12-16	A6105	
				1513D03T	19	13g00	28-12-16	A10102	
				1614D03T	18	13g00	28-12-16	A10103	
3.	HH2276	Hóa lí 1 (')	1	1412D24A	22	13g00	28-12-16	A6106	Khoa học tự nhiên
4.	SH2428	Ví sinh vật học (")	1	1513D24A	27	07g00	29-12-16	A7108	Khoa học tự nhiên
5.	HH2257	Hóa học hữu cơ 1 (""	1	1412D24A	23	07g00	29-12-16	A10102	Khoa học tự nhiên
6.	SH2373	Động vật học 1 (""	1	1412D03A	30	07g00	30-12-16	A6204	GDTH & Mầm non
7.	TH2243	PPDH Tự nhiên và xã hội ở tiểu học (""	1	1412D03A	28	07g00	30-12-16	A6205	
8.	TG2213	Tâm lý học trẻ em 1 (')	1	1513C08A	24	13g00	30-12-16	A6203	

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
				1513C08A	24	13g00	30-12-16	A10102	
				1513C08A	23	13g00	30-12-16	A10103	
9.	MN2343	Âm nhạc (*)	1	1412D05A	27	13g00	30-12-16	A7107	Nghệ thuật
				1412D05A	27	13g00	30-12-16	A7108	
				1412D05A	27	13g00	30-12-16	A7201	
10	TC2262	Bơi (**)	1	1412D70A	16	13g00	30-12-16	A6102	Thể dục thể thao
11	TG1201	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm (**)	6	1513D23A	29	07g00	3-01-17	A7203	Tâm lý giáo dục
				1513D23A	28	07g00	3-01-17	A7204	
				1614D05A	28	13g00	3-01-17	A6204	
				1614D05A	27	13g00	3-01-17	A6205	
				1614D05B	27	13g00	3-01-17	A6206	
12	TG1205	Tâm lý học đại cương (**)	4	1614D05B	27	13g00	3-01-17	A7107	Tâm lý giáo dục
				1614C09A	13	13g00	3-01-17		
				1614D23A	04	13g00	3-01-17	A7108	
				1614D24A	07	13g00	3-01-17		
				1614C08A	30	13g00	3-01-17	A7201	
13	MN2221	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non (*)	1	1513C08A	26	13g00	3-01-17	A7104	GDTH & Mầm non
				1513C08A	26	13g00	3-01-17	A6106	
				1513C08A 1412C08A	26	13g00	3-01-17	A6107	
14	TH2358	Toán học 2 (*)	1	1513C09A	16	13g00	3-01-17	A6108	GDTH & Mầm non
				1614D03A	30	13g00	3-01-17	A6203	
15	TH1201	Ngôn ngữ học đại cương (*)	1	1614D03A 1614D03B	31	13g00	3-01-17	A6102	GDTH & Mầm non
				1614D03B 1311D03A	30	13g00	3-01-17	A6103	
				1614D03T					
16	TC2250	Nhảy xa (**)	1	1614D70A	7	13g00	3-01-17	A10102	Thể dục thể thao
17	TI2246	P.Tiền DH và ứng dụng CNTT trong DH ở TH (**)	1	1513D03B	26	07g15	4-01-17	A8203	Kỹ thuật - Công nghệ

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
				1513D03T 1614D03T	22	07g15	4-01-17	A8204	
18	TG1206	Giáo dục học đại cương (*)	2	1513D05A 1513D05A 1513D60A 1513D61A	28 28 14	07g00 07g00 07g00	04-01-16 04-01-16 04-01-16	A6108 A6203	Tâm lý giáo dục
19	TG1206	Giáo dục học đại cương (*)	2	1513D70A	9	07g00	04-01-16	A6107	Tâm lý giáo dục
20	TG1206	Giáo dục học đại cương (*)	2	1513D05B 1513D05B 1513D05B	30 30 29	13g00 13g00 13g00	04-01-16 04-01-16 04-01-16	A6108 A6204	Tâm lý giáo dục
21	TG1206	Giáo dục học đại cương (*)	2	1513D23B 1513D24B	15 16	13g00 13g00	04-01-16 04-01-16	A6205	Tâm lý giáo dục
22	TH2245	Thủ công – Kỹ thuật (*)	1	1412D03A 1412D03A 1412D03A 1311D03A	26 26 24	13g00 13g00 13g00	4-01-17 4-01-17 4-01-17	A10102 A10103 A10104	GDTH & Mầm non
23	HH2223	Hoá học hữu cơ 3 (*)	1	1412D24A	32	13g00	4-01-17	A6104	Khoa học tự nhiên
24	TC2256	Thể dục tự do (*)	1	1412D70A	14	13g00	4-01-17	A6105	Thể dục thể thao
25	AN2361	Kĩ xướng âm 3 (*)	1	1513D60A	19	07g00	5-01-17	A18201	Nghe thuật
26	AN2333	Kĩ - xướng âm 1 (*)	1	1614D60A	9	13g00	5-01-17	A18202	Nghe thuật
27	MT2259	Hình họa (2) (*)	1	1513D61A	4	07g00	5-01-17	A18203	Nghe thuật
28	HH2325	Hoá học phân tích 1 (*)	1	1513D24A, 1210C20A, 1311D24A, 1412D24A	23	07g00	5-01-17	A10102	Khoa học tự nhiên
29	SH1260	Sinh học phân tử (*)	1	1513D23A	22	07g00	5-01-17	A10103	Khoa học tự nhiên
30	SH2271	Cơ sở tự nhiên và xã hội 1 (*)	1	1513D03B, 1412D03A, 155D03LT14 1513D03B, 1412D03A, 155D03LT14	24 24	07g00 07g00	5-01-17 5-01-17	A7107 A7108	Khoa học tự nhiên

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
				1513D03B, 1412D03A, 155D03LT14	25	07g00	5-01-17	A7201	
				1513D03A	34	07g00	5-01-17	A7202	
				1513D03A, 1412D03A	35	07g00	5-01-17	A7203	
31	TC1242	Lịch sử thể dục thể thao (*)	1	1513D70A	12	07g00	5-01-17	A6105	Thể dục thể thao
32	MN2304	Toán cơ sở (*)	1	1513D05A	18	07g00	05-01-16	A6107	GDTH & Mầm non
				1513D05A	17	07g00	05-01-16	A6108	
33	TG2218	Quản lý giáo dục mầm non (**)	1	1412D05A	27	13g00	5-01-17	A6108	Tâm lý giáo dục
				1412D05A	27	13g00	5-01-17	A6205	
				1412D05A	27	13g00	5-01-17	A6203	
34	VN1251	Cơ sở văn hoá Việt Nam (**)	4	1614D03A	21	07g00	5-01-17	A6106	KHXXH & NV
				1614D03A	20	07g00	5-01-17	A6104	
35	VN1251	Cơ sở văn hoá Việt Nam (**)	5	1614D05A	28	13g00	5-01-17	A6105	KHXXH & NV
				1614D05A	27	13g00	5-01-17	A6106	
36	TG1206	Giáo dục học đại cương (**)	2	1513D03A	23	07g00	06-01-16	A6108	Tâm lý giáo dục
				1513D03A	23	07g00	06-01-16	A6205	
				1513D03A	23	07g00	06-01-16	A6204	
37	VN1251	Cơ sở văn hoá Việt Nam (**)	9	1614D03B	21	07g00	6-01-17	A6107	KHXXH & NV
				1614D03B	21	07g00	6-01-17	A6106	
38	VN1251	Cơ sở văn hoá Việt Nam (**)	10	1614D05B	27	13g00	6-01-17	A6102	KHXXH & NV
				1614D05B	27	13g00	6-01-17	A6103	
39	TG1206	Giáo dục học đại cương (**)	2	1513D03B	22	13g00	06-01-16	A6203	Tâm lý giáo dục
				1513D03B	22	13g00	06-01-16	A6204	
				1513D03B	23	13g00	06-01-16	A7105	
40	TG2215	Giáo dục học trẻ em 1 (*)	1	1513C08A	18	13g00	6-01-17	A6106	Tâm lý giáo dục
				1513C08A	17	13g00	6-01-17	A6107	
41	TG2215	Giáo dục học trẻ em 1 (*)	1	1513D05A	32	13g00	6-01-17	A	Tâm lý giáo dục

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
				1513D05A	32	13g00	6-01-17	A	
				1513D05B	31	13g00	6-01-17	A	
42	TG2215	Giáo dục học trẻ em 1 (*)	1	1513D05B	32	13g00	6-01-17	A	Tâm lý giáo dục
				1412D05A	26	13g00	6-01-17	A7106	
43	MN2219	Đồ chơi (*)	2	1412D05A	26	13g00	6-01-17	A10102	GDTH & Mầm non
				1412D05A	25	13g00	6-01-17	A6205	
				1412D03A	26	13g00	6-01-17	A6206	
				1412D03A	26	13g00	6-01-17	A7102	
44	TH2424	Toán học 2 (*)	1	1412D03A	24	13g00	6-01-17	A7103	GDTH & Mầm non
				1311D03A					
				1513D03A					
45	TC2266	Cờ vua (*)	1	1412D70A	13	13g00	6-01-17	A7104	Thể dục thể thao
				1513D03A	26	07g00	7-01-17	A7102	
46	AN2283	Âm nhạc(*)	2	1513D03A	26	07g00	7-01-17	A7103	Nghệ thuật
				1513D03A	26	07g00	7-01-17	A7104	
47	MN2209	Múa và phương pháp dạy múa (*)	1	1513D05A	28	07g00	7-01-16	A6102	
				1513D05A	28	07g00	7-01-16	A6104	
48	MN2209	Múa và phương pháp dạy múa (*)	2	1513D05B	28	07g00	7-01-16	A6105	GDTH & Mầm non
				1513D05B	27	07g00	7-01-16	A6106	
49	HH2255	Hoá học vô cơ 1 (*)	1	1513D24A, 1412D24A, 1614D24A	21	07g00	7-01-17	A10102	Khoa học tự nhiên
50	SH1215	Lý sinh học (*)	1	1513D23A	17	07g00	7-01-17	A10103	Khoa học tự nhiên
51	TC2247	Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT (*)	1	1513D70A	9	07g00	7-01-17	A6103	Thể dục thể thao
52	MT2266	Trang trí (3) (*)	1	1513D61A	2	07g00	7-01-17	A18203	Nghệ thuật
53	AN2283	Âm nhạc(*)	1	1513C09A	24	13g00	7-01-17	A6105	Nghệ thuật
				1513C09A	23	13g00	7-01-17	A6106	
54	AN2305	Lí thuyết âm nhạc cơ bản 1(*)	1	1614D60A	15	13g00	7-01-17	A18202	Nghệ thuật
55	MN2257	Lý luận văn học và văn học trẻ em (*)	1	1513C08A	25	13g00	7-01-17	A6102	GDTH & Mầm non

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
				1513C08A 1513C08A 1412C08A 1311A05A	25 24	13g00 13g00	7-01-17 7-01-17	A6103 A6108	
56	TH2205	Văn học 1 (""")	2	1614D03B 1614C09A 1311D03A 1412C09A	28 27	15g15 15g15	7-01-17 7-01-17	<u>A8203</u> <u>A8204</u>	GDTH & Mầm non
57	VN1209	Mỹ học đại cương (*)	2	1614D05A 1614D05A 1614D05B 1614D05B	30 30 27 27	13g00 13g00 13g00 13g00	7-01-17 7-01-17 7-01-17 7-01-17	A7108 A6203 A7107 A6205	KHXH & NV
58	MT2388	Mỹ thuật (*)	1	1614C08A 1412D05A 1412D05A 1412D05A	30 26 26 25	07g00 07g00 07g00 07g00	7-01-17 9-01-17 9-01-17 9-01-17	A6203 A6106 A6107 A6108	Nghệ thuật
59	MN2242	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non (*)	1	1513D03A 1412D05A 1412D05A	26 26 25	07g15 07g00 07g00	9-01-17 9-01-17 9-01-17	<u>A8203</u> <u>A8204</u> A6108	GDTH & Mầm non
60	TI2246	P. Tiễn DH và ứng dụng CNTT trong DH ở TH (")	1	1513D03A 1513D03A 1614D05A	26 26 30	07g15 07g15 07g00	9-01-17 9-01-17 9-01-17	<u>A8203</u> <u>A8204</u> A7107	Kỹ thuật - Công nghệ
61	MN2258	Dinh dưỡng trẻ em (*)	1	1614D05A 1513D05A 1513C08A	30	07g00	9-01-17	A7108	GDTH & Mầm non
62	TI2246	P. Tiễn DH và ứng dụng CNTT trong DH ở TH (")	1	1513D03A 1513D03B 1513D03B 1412D03A	26 26 26 26	09g30 09g30 09g30 13g00	9-01-17 9-01-17 9-01-17 9-01-17	<u>A8203</u> <u>A8204</u> <u>A8204</u> A6102	Kỹ thuật - Công nghệ
63	TH2207	Tiếng Việt 2 (*)	1	1412D03A 1412D03A 1311D03A 1513D03A	26 26	13g00 13g00	9-01-17 9-01-17	A6103 A6104	GDTH & Mầm non
64	HH2215	Lý luận dạy học môn hoá học (*)	1	1412D24A, 1311D24A	23	13g00	9-01-17	A10102	Khoa học tự nhiên

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
				1412D24A	23	13g00	9-01-17	A10103	
65	SH2222	Công nghệ sinh học (*)	1	1412D23A	25	13g00	9-01-17	A6108	Khoa học tự nhiên
66	TC2271	Bóng chuyền chuyên sâu 1 (*)	1	1412D70A	13	13g00	9-01-17	A6203	Thể dục thể thao
67	TH2205	Văn học 1 (**)	2	1614D03A	27	13g15	9-01-17	A8203	GDTH & Mầm non
				1614D03A	28	13g15	9-01-17	A8204	
68	MT2268	Bố cục (2) (**)	1	1513D61A	2	07g00	10-01-17	A18202	Nghệ thuật
				1614D05A	28	07g00	10-01-17	A6108	GDTH & Mầm non
				1614D05A	29	07g00	10-01-17	A7201	
				1513D05A	27	07g00	11-01-17	A6203	
				1614D05B	27	07g00	11-01-17	A6102	
				1614D05B	27	07g00	11-01-17	A6102	GDTH & Mầm non
				1513C09A	30	07g00	11-01-17	A6106	
				1513C09A	29	07g00	11-01-17	A6108	
				1412C09A	29	07g00	11-01-17	A6108	
				1513D03T	26	07g00	10-01-17	A7105	GDTH & Mầm non
				1513D03A	26	07g00	10-01-17	A7106	
				1513D03A	26	07g00	10-01-17	A7107	
				1513D03B	26	07g00	10-01-17	A7108	
				1513D03B	24	07g00	10-01-17	A6104	Khoa học tự nhiên
				1513D23A	13	07g00	10-01-17	A6107	
				1614D03A, 1412D03A, 1513D03T	25	07g00	10-01-17	A7202	
				1614D03A, 1412D03A, 1513D03T	24	07g00	10-01-17	A7203	Khoa học tự nhiên
				1614D03B	22	13g00	10-01-17	A7201	Khoa học tự nhiên

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
75	SH1204	Giáo dục môi trường (")	1	1614D03B	21	13g00	10-01-17	A7108	Khoa học tự nhiên
76	TN1261	Toán cao cấp B (")	2	1614D23A	13	15g00	10-01-17	A7107	Toán - Tin
77	TC2254	Nhảy cao (")	1	1513D70A	9	13g00	10-01-17	A7202	Thể dục thể thao
78	TC1340	Thế dục cơ bản (")	1	1614D70A	7	13g00	10-01-17	A7203	Thể dục thể thao
79	AN2283	Âm nhạc(")	1	1513D03B	26	07g00	11-01-17	A6107	Nghệ thuật
				1513D03B	25	07g00	11-01-17	A6108	
80	AN2285	Âm nhạc(")	1	1614C08A	30	07g00	11-01-17	A6203	
81	MN2261	Tiếng Việt thực hành (")	1	1513D05A	28	07g00	11-01-17	A6102	GDTH & Mầm non
				1513D05A	29	07g00	11-01-17	A6104	
82	MN2261	Tiếng Việt thực hành (")	2	1513D05B	29	07g00	11-01-17	A6105	
				1513D05B	29	07g00	11-01-17	A6106	GDTH & Mầm non
				1412D05A	26	13g00	11-01-17	A6102	
				1412D05A	26	13g00	11-01-17	A6103	
83	MN2349	LL và PP tổ chức HD âm nhạc cho trẻ em (")	1	1412D05A	25	13g00	11-01-17	A6104	GDTH & Mầm non
				1412D24A, 1311D24A	21	13g00	11-01-17	A10102	
84	HH2210	Nhập môn cơ học lượng tử và HH lượng tử (")	1	1412D24A	20	13g00	11-01-17	A10103	
85	SH2333	Lý luận dạy học môn Sinh học (")	1	1412D23A	22	13g00	11-01-17	A6105	Khoa học tự nhiên
86	AN2319	Múa (")	1	1513D60A	14	07g00	12-01-17	A18202	
				1513D03A	25	07g00	12-01-17	A7104	
				1513D03A	25	07g00	12-01-17	A7105	Tâm lý giáo dục
87	TG2307	TLH lứa tuổi và TLH sư phạm tiểu học (")	1	1513D03A	25	07g00	12-01-17	A7106	
				1513D03A	25	07g00	12-01-17	A7107	
				1513D03A	24	07g00	12-01-17	A7108	Khoa học tự nhiên
88	SH2269	Sinh lý học trẻ em (mầm non) (")	2	1614D05A	28	07g00	12-01-17	A6108	
				1614D05A	27	07g00	12-01-17	A10102	
89	TC2397	Bóng đá (")	1	1513D70A	9	07g00	12-01-17	A10103	Thể dục thể thao
90	SH2269	Sinh lý học trẻ em (mầm non) (")	2	1614D05B	27	13g00	12-01-17	A6203	Khoa học tự nhiên

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
				1614D05B	27	13g00	12-01-17	A6205	
				1513C09A	22	13g00	12-01-17	A6107	
91	TG2208	LLDH và lý luận giáo dục tiểu học (*)	1	1513C09A	21	13g00	12-01-17	A6204	Tâm lý giáo dục
92	TN1367	Giải tích (*)	1	1614D24A	19	13g00	12-01-17	A10103	Toán - Tin
93	AN2273	Hát dân ca (**)	1	1614D60A	8	13g00	12-01-17	A18203	Nghệ thuật
94	TC2343	Giải phẫu học (*)	1	1614D70A	19	13g00	12-01-17	A10102	Thể dục thể thao
			2	1614D03A 1614C09A	27	13g15	12-01-17	A8203	
				1614D03B 1311D03A	23	15g30	12-01-17	A8203	
95	TH1221	Toán học 1 (***)		1614D03B	23	13g15	12-01-17	A8204	GDTH & Mầm non
				1513D05A	26	07g15	13-01-17	A8203	
96	SH1203	Môi trường và con người (***)	1	1513D05A	27	07g15	13-01-17	A8204	Khoa học tự nhiên
				1513D05B	29	09g30	13-01-17	A8203	
97	SH1203	Môi trường và con người (***)	1	1513D05B	29	09g30	13-01-17	A8204	Khoa học tự nhiên
				1614D05B	31	13g15	14-01-17	A8203	
98	MN2244	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ (***)	2	1614D05B 1311D05A 1412C08A	31	13g15	14-01-17	A8204	GDTH & Mầm non
				1614C08A 1513D05A 1513C08A	27	13g00	13-01-17	A6203	
99	SH2269	Sinh lý học trẻ em (mầm non) (*)	2	1614C08A	27	13g00	13-01-17	A6205	Khoa học tự nhiên
				1412D24A	20	13g00	13-01-17	A10102	
10	NN2221	Tiếng Anh chuyên ngành (*)	1	1412D24A	19	13g00	13-01-17	A10103	Ngoại ngữ
10	AN2365	Phân tích tác phẩm âm nhạc 1 (*)	1	1412D60A	5	13g00	13-01-17	A6103	Nghệ thuật
10	SH2370	Sinh thái học, môi trường và DDSH (**)	1	1412D23A	22	13g00	13-01-17	A6102	Khoa học tự nhiên
10	MN2360	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình (**)	1	1513D05B	24	07g00	07-01-16	A6105	GDTH & Mầm non

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
				1513D05B	23	07g00	07-01-16	A6106	
				1513C08A	24	13g00	14-01-17	A6106	
10	MN2252	Phát triển và tổ chức thực hiện CT GD MN (*)	1	1513C08A	24	13g00	14-01-17	A6107	GDTH & Mầm non
				1513C08A	24	13g00	14-01-17	A6203	
10	TH2207	Tiếng Việt 2 (*)	3	1513C09A	22	13g00	14-01-17	A6204	GDTH & Mầm non
				1513C09A	21	13g00	14-01-17	A6205	
				1614D03A, 1513D03B, 1614C09A, 1614D03LT02	29	13g00	14-01-17	A6102	
10	SH2206	Sinh lý học trẻ em (tiểu học) (*)	2	1614D03A, 1513D03B, 1614C09A, 1614D03LT02	29	13g00	14-01-17	A6103	Khoa học tự nhiên
				1614D03B	22	13g00	14-01-17	A6104	
				1614D03B	21	13g00	14-01-17	A6105	
10	TC1341	Chạy ngắn và tiếp sức (*)	1	1614D70A	7	13g00	14-01-17	A10102	
				1513C08A	25	07g15	14-01-17	A8203	GDTH & Mầm non
10	MN2263	Vệ sinh trẻ em (**)	1	1513C08A	25	07g15	14-01-17	A8204	
				1513C08A 1109D05B	23	09g15	14-01-17	A8203	
10	TH1221	Toán học 1 (**)	2	1614D03A	27	09g15	14-01-17	A8204	GDTH & Mầm non

Chú thích: (*) - Học phần thi tự luận

(**) - Học phần thi vấn đáp, thực hành

(***) - Học phần thi trắc nghiệm.

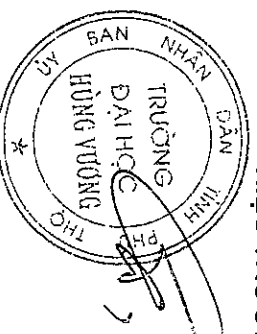
Phú Thọ, ngày 20 tháng 12 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

TRUNG TÂM ĐBCL

Giám đốc

NGƯỜI LẬP BIỂU



(Signature)

Nguyễn Ánh Hoàng

(Signature)

Nguyễn Thành Trung